

### ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

**1. Tên học phần: Vệ sinh thú y (Veterinary hygiene)**

- Mã số học phần: NN324

- Số tín chỉ học phần: 2 tín chỉ

- Số tiết học phần: 20 tiết lý thuyết, 20 tiết thực hành

**2. Đơn vị phụ trách học phần:**

- Bộ môn: Thú y

- Khoa: Nông nghiệp

**3. Điều kiện:**

- Điều kiện tiên quyết:

- Điều kiện song hành:

**4. Mục tiêu của học phần:**

Mục tiêu	Nội dung mục tiêu	CĐR CTĐT
4.1	Kiến thức cơ bản và hiện đại về khoa học vệ sinh thú y.	3.1.2a
4.2	Vận dụng các biện pháp vệ sinh thú y vào quy trình chăn nuôi - thú y nhằm nâng cao sức khoẻ và năng suất gia súc, gia cầm; Ngăn chặn dịch bệnh lây lan.	3.1.2b
4.3	Khả năng nghiên cứu chuyên môn, làm việc nhóm, lập kế hoạch, báo cáo thuyết trình trước tập thể.	3.2.2a
4.4	Trách nhiệm trong học tập, nghiên cứu lĩnh vực sản khoa; trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp trong chẩn đoán và điều trị bệnh sản khoa.	3.3

**5. Chuẩn đầu ra của học phần:**

CĐR HP	Nội dung chuẩn đầu ra	Mục tiêu	CĐR CTĐT
	<b>Kiến thức</b>		
CO1	Trình bày kiến thức cơ bản và hiện đại về khoa học vệ sinh thú y	4.1	3.1.2a
CO2	Trình bày những nguyên tắc trong việc phòng chữa bệnh, chống dịch bệnh cho vật nuôi.	4.1	3.1.2a
CO3	Trình bày vệ sinh môi trường không khí, nước, đất	4.1	3.1.2a
CO4	Vệ sinh chuồng trại	4.1	3.1.2a
CO5	Vệ sinh thức ăn	4.1	3.1.2a
CO6	Công tác vệ sinh an toàn dịch bệnh	4.1	3.1.2a
	<b>Kỹ năng</b>		

<b>CDR HP</b>	<b>Nội dung chuẩn đầu ra</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>CDR CTĐT</b>
	<b>Kiến thức</b>		
CO7	Vận dụng các biện pháp vệ sinh thú y vào quy trình chăn nuôi - thú y nhằm nâng cao sức khoẻ và năng suất gia súc, gia cầm; Ngăn chặn dịch bệnh lây lan.	4.2	3.1.2b
CO8	Tự nghiên cứu và tổng hợp tài liệu chuyên ngành	4.3	3.2.2a
CO9	Hợp tác, thuyết trình trong việc giải quyết các vấn đề nghiên cứu.	4.3	3.2.2a
	<b>Thái độ/Mức độ tự chủ và trách nhiệm</b>		
CO10	Hình thành tính trách nhiệm và chuẩn xác trong học tập, nghiên cứu lĩnh vực vệ sinh thú y	4.4	3.3
CO11	Hình thành ý thức trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp	4.4	3.3

## 6. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Sinh viên tham gia học phần sẽ được cung cấp những nội dung cơ bản và chuyên sâu về lĩnh vực vệ sinh thú y như sau: những nguyên tắc trong việc phòng chữa bệnh, chống dịch bệnh cho vật nuôi; vệ sinh môi trường không khí, vệ sinh môi trường nước, vệ sinh về đất trong chăn nuôi, vệ sinh chuồng trại, vệ sinh thức ăn và công tác vệ sinh an toàn dịch.

## 7. Cấu trúc nội dung học phần:

### 7.1. Lý thuyết

	<b>Nội dung</b>	<b>Số tiết</b>	<b>CDR HP</b>
<b>Chương 1.</b>	<b>Mở đầu, Vệ sinh môi trường không khí</b>	<b>3</b>	CO1, CO2, CO3, CO7-11
<b>Chương 2.</b>	<b>Vệ sinh môi trường nước</b>	<b>3</b>	CO3, CO7-11
<b>Chương 3.</b>	<b>Vệ sinh môi trường đất</b>	<b>2</b>	CO3, CO7-11
<b>Chương 4.</b>	<b>Vệ sinh chuồng trại</b>	<b>4</b>	CO4, CO7-11
<b>Chương 5.</b>	<b>Vệ sinh thức ăn</b>	<b>4</b>	CO5, CO7-11
<b>Chương 6.</b>	<b>Công tác vệ sinh an toàn dịch bệnh</b>	<b>4</b>	CO6, CO7-11

### 7.2. Thực hành

	<b>Nội dung</b>	<b>Số tiết</b>	<b>CDR HP</b>
<b>Bài 1.</b>	<b>Xác định hàm lượng H<sub>2</sub>S, oxy hòa tan (DO), oxy hóa học (COD) trong nước</b>	<b>4</b>	CO3, CO7-11
<b>Bài 2.</b>	<b>Xác định độ muối, độ mặn, độ Chlor, độ cứng tổng cộng của nước</b>	<b>4</b>	CO3, CO7-11
<b>Bài 3.</b>	<b>Xác định hàm lượng H<sub>2</sub>S và NH<sub>3</sub> trong không khí</b>	<b>4</b>	CO1, CO2, CO3, CO7-11
<b>Bài 4.</b>	<b>Kiểm tra vi sinh vật trong mẫu nước</b>	<b>4</b>	CO3, CO7-11

	Nội dung	Số tiết	CĐR HP
Bài 5.	Thực hành một số biện pháp tiêu độc sát trùng	4	CO1-11

### 8. Phương pháp giảng dạy:

- Kết hợp giữa thuyết trình, xử lý tình huống, báo cáo chuyên đề.

### 9. Nhiệm vụ của sinh viên:

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham khảo những tài liệu đã được giới thiệu; làm và báo cáo chuyên đề đã được phân công; thảo luận nhóm.
- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành/thí nghiệm/thực tập và có báo cáo kết quả.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

### 10. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

#### 10.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	CĐR HP
1	Điểm chuyên cần	- Tham dự ít nhất 25/30 tiết - Đi học đúng giờ và đủ tiết/buổi	10%	CO1-11
2	Điểm báo cáo chuyên đề	- Tham dự đầy đủ các buổi báo cáo - Báo cáo đúng theo yêu cầu và đầy đủ nội dung. - Tham gia đặt câu hỏi và thảo luận	20%	CO1-11
3	Điểm thi kết thúc học phần	- Thi trắc nghiệm (60 phút) - Tham dự đủ 80% tiết lý thuyết và 100% giờ thực hành - Bắt buộc dự thi	70%	CO1-11

#### 10.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

### 11. Tài liệu học tập:

Thông tin về tài liệu	Số đăng ký cá biệt
-----------------------	--------------------

[1] Biện pháp an toàn sinh học và vệ sinh trong phòng chống bệnh cúm gia cầm, Lê Hồng Mận, NXB Nông nghiệp, 2007 <i>Số đăng ký thư tự trên kệ sách: 636.50896925 / M121</i>	MOL.054333, MOL.054336, NN.013338, NN.013342
[2] Kỹ thuật và thiết bị xử lý chất thải bảo vệ môi trường, Hoàng Đức Liên, NXB Nông nghiệp, 2000 <i>Số đăng ký thư tự trên kệ sách: 628.4 / L305</i>	KH.002877- KH.002880 MT.000814, MT.000818
[3] Hướng dẫn vệ sinh, chăm sóc gia súc, Chu Thị Thơm, NXB Lao động, 2006 <i>Số đăng ký thư tự trên kệ sách: 636.089 / Th463</i>	NN.004636, NN.004639 NN.004642, NN.004645
[4] Luật Thú y, NXB Chính trị Quốc gia, 2015 <i>Số đăng ký thư tự trên kệ sách: 344.597049 / V308</i>	MOL.079673, MOL.079674 NN.016742, NN.016743

## 12. Hướng dẫn sinh viên tự học:

Tuần	Nội dung	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Nhiệm vụ của sinh viên
1	<b>Chương 1: Mở đầu, vệ sinh môi trường không khí</b> 1.1. Đại cương: 1.2. Tính chất vật lý của không khí: 1.3. Các chất khí trong không khí 1.4. Ý nghĩa vệ sinh của các chất khí trong chuồng nuôi	3	3	- Nghiên cứu trước: Chương 1 - Tham khảo tài liệu 1-4 tại mục 11
2	<b>Chương 2: Vệ sinh môi trường nước</b> 2.1. Đại cương: 2.2. Tính chất vật lý của nước: 2.3. Tính chất hoá học của nước: 2.4. Đặc tính vi sinh vật trong nước: 2.5. Nguồn nước và nhận xét về vệ sinh các nguồn nước 2.6. Làm sạch và tiêu độc nước uống 2.7. Việc cung cấp nước	3	5	- Nghiên cứu trước: Chương 2 - Tham khảo tài liệu 1-4 tại mục 11
3	<b>Chương 3: Vệ sinh về đất trong chăn nuôi</b> 3.1. Ý nghĩa của vệ sinh về đất trong chăn nuôi 3.2. Cấu tạo cơ học của đất 3.3. Tính chất vật lý của đất 3.4. Thành phần hoá học của đất: 3.5. Đánh giá về mặt vệ sinh của đất 3.6. Chọn địa điểm lập	3	3	- Nghiên cứu trước: Chương 3 - Tham khảo tài liệu 1-4 tại mục 11

	trại chăn nuôi và lò giết mổ gia súc.			
4	<b>Chương 4: Vệ sinh chuồng trại</b> 4.1. Đại cương: 4.2. Những nguyên tắc chủ yếu khi xây dựng chuồng trại 4.3. Những điểm cần lưu ý khi xây dựng chuồng: 4.4. Vệ sinh các bộ phận trong chuồng 4.5. Nguyên tắc quản lý chuồng trại về mặt vệ sinh	3	3	- Nghiên cứu trước: chương 4. - Chuẩn bị bài báo cáo theo chuyên đề được phân công - Tham khảo tài liệu 1-4 tại mục 11
5	<b>Chương 5: Vệ sinh thức ăn</b> 5.1. Những loại thức ăn có hại: 5.2. Tiêu chuẩn vệ sinh của các loại thức ăn 5.3. Cách cho ăn hợp vệ sinh	3	3	- Nghiên cứu trước: chương 5. - Chuẩn bị bài báo cáo theo chuyên đề được phân công - Tham khảo tài liệu 1-4 tại mục 11
6	<b>Chương 5: Công tác vệ sinh an toàn dịch</b> 6.1. Vệ sinh khi chăn thả: 6.2. Vệ sinh thân thể 6.3. Vệ sinh khi vận chuyển gia súc 6.4. Vệ sinh phòng dịch bệnh 6.5. Những biện pháp cần áp dụng khi có dịch bệnh xảy ra 6.6. Những biện pháp tiêu hủy gia súc, gia cầm bệnh.	5	5	- Nghiên cứu trước: chương 6. - Chuẩn bị bài báo cáo theo chuyên đề được phân công - Sưu tầm những thuốc sát trùng hiện có trên thị trường - Tham khảo tài liệu 1-4 tại mục 11

Cần Thơ, ngày 29 tháng 8 năm 2022

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**TL. HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỜNG KHOA**



**PGS.TS. Lê Văn Vàng**

**PGS.TS. Trần Ngọc Bích**